

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **565/2018/KDTM-PT**
Ngày: 8-6-2018
Vv tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Bùi Ngọc Anh

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Ông Nguyễn Hồng Ân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: **Ông Châu Hiệp Phát** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Kim Oanh

Trong các ngày 26 tháng 4; ngày 09 tháng 5 và ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2017/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2017/KDTM-ST ngày 25-9-2017 của Toà án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1375/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q**

Địa chỉ: 22 đường H, Phường H1, quận H2, TP. Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Phạm Trần A, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng N - chi nhánh BT- 131 Quốc lộ X, phường X1, quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: **Công ty TNHH HD**

Địa chỉ: 35 Đường 40, phường T, Quận T1, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 97/18/28 đường A, Phường A1, quận A2, TP. Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: 643A đường B, P. B1, TP. B2, tỉnh Lâm Đồng

2- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 70 đường C, P. C1, TP. C2, tỉnh Lâm Đồng

3- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ: 729/1 đường P, Phường P1, TP.P2, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tu, sinh năm 1966 (*có mặt*)

Địa chỉ: 159/2 đường K, P. K1, TP. K2, tỉnh Lâm Đồng.

4- Bà Nguyễn Thị Tu', sinh năm 1967 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T', sinh năm 1975

5- Ông Nguyễn Đình T', sinh năm 1975

Thường trú: 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng

Tạm trú: 165/57 đường L, P.L1, Q.L2, TP. Hồ Chí Minh

6- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1970 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 165/57 đường L, P.L1, Q.L2, TP. Hồ Chí Minh

7- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: Số 54/4 đường F, P. F1, thành phố F2, tỉnh Lâm Đồng.

8- Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 đường S, phường S1, quận S2, TP. Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trần A, sinh năm 1975 (*có mặt*)

9- Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1992 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường G, Thành phố G1, tỉnh Lâm Đồng

10- Bà Phạm Thị Ánh T'', sinh năm 1990 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 43/2 đường O, phường O1, Thành phố O2, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I) Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

1- Nguyên đơn trình bày:

+ Về yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng N - Chi nhánh BT (gọi tắt là Ngân hàng) cho Công ty TNHH HĐ (gọi tắt là Công ty) vay bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012, hạn mức là 4.700.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Ngày 07-8-2013, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 6110-LAV-201200461/PLHĐ gia hạn thời hạn vay 12 tháng.

Hợp đồng tín dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba gồm: Hợp đồng số 6110-LCL-201200370 ngày 07-8-2012, Hợp đồng số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 và Hợp đồng số 6110-LCL-201200453 ngày 10-10-2012.

Ngân hàng đã giải ngân tổng cộng 14.276.230.000 đồng, Công ty đã trả được 12.276.230.000 đồng. Ngân hàng đã giải chấp 02 tài sản thế chấp theo Hợp

đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200370 ngày 07-8-2012 và số 6110-LCL-201200453 ngày 10-10-2012.

Khi thời hạn Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 hết, Công ty vẫn có yêu cầu tiếp tục vay vốn kinh doanh nên hai bên thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014, hạn mức vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Toàn bộ dư nợ của hợp đồng cũ được chuyển sang hợp đồng mới.

Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 vẫn tiếp tục được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012, là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do UBND thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006.

Ngày 27-7-2015, Ngân hàng đã bán nợ của Công ty HĐ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 8575/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK.

Yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 3.287.833.336 đồng, trong đó:

- Nợ vay là 2.500.000.000 đồng

- Nợ lãi phát sinh tính đến ngày 25-9-2017 là 787.833.336 đồng, gồm: lãi trong hạn là 538.000.000 đồng và lãi quá hạn là 249.833.332 đồng,

Thời hạn thanh toán: Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi vẫn được tiếp tục tính theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

+ Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 của bà Nguyễn Thị N:

Nguyên đơn không đồng ý, vì tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T và đã đồng ý thế chấp để bảo đảm số tiền vay là 2.500.000.000 đồng cho bị đơn nhưng hiện bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Năm 2014, ông Nguyễn Đình M chết, thì các quyền và nghĩa vụ của người để lại di sản sẽ do người thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ dân sự. Hiện nay các nghĩa vụ về bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423 cho các hợp đồng tín dụng đã ký chưa trả hết nợ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của bà Nguyễn Thị N.

2- Đại diện Công ty TNHH HĐ trình bày:

Công ty HĐ có ký với Ngân hàng các Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 để

vay tiền và các khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 là nhà đất tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng

Năm 2014, ông Nguyễn Đình M là đồng sở hữu tài sản thế chấp chết, do có một người trong những người đồng thừa kế của ông M là bà Nguyễn Thị N, không đồng ý tiếp tục ký gia hạn hợp đồng nên Ngân hàng không đồng ý gia hạn hợp đồng tín dụng và yêu cầu Công ty HĐ trả nợ. Công ty HĐ thống nhất số nợ tính đến ngày 25-9-2017 như nguyên đơn yêu cầu tổng cộng gốc lãi là 3.287.833.336 đồng.

Do làm ăn thua lỗ, Công ty HĐ không có khả năng trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Với yêu cầu độc lập của bà N, bị đơn không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2- Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N trình bày:

Căn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng thế chấp, thì việc thế chấp chỉ bảo đảm khoản vay của hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và Phụ lục hợp đồng kèm theo.

Ông M, bà T không đồng ý dùng tài sản là căn nhà và đất tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014, vì: thời điểm này ông M và bà T đã ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân thị xã Bảo Lộc đã có hiệu lực pháp luật. Khi ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 không có ý kiến của ông M và bà T là có đồng ý tiếp tục bảo lãnh cho khoản vay này hay không.

Bà N yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423 do Phòng công chứng số 02 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 17-9-2012. Buộc Công ty HĐ và Công ty TNHH MTV Q trả lại cho bà T và bà N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006.

3- Đại diện được ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tu trình bày:

Ông T' và bà Tu là người thừa kế của ông M, ông M chết thì những người thừa kế của ông M có quyền thừa kế tài sản của ông M để lại, đồng thời cũng có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông M để lại.

Ông T' và bà Tu không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N.

4- Đại diện Ngân hàng N – chi nhánh BT trình bày:

Ngân hàng cho Công ty HĐ vay theo các Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 trong

phạm vi bảo đảm của hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423 là 2.500.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423 đã được Phòng công chứng số 02, tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 17-9-2012 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Phạm vi bảo đảm quy định tại Điều 2 của hợp đồng là để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty HD theo hợp đồng tín dụng do Công ty HD và Ngân hàng ký kết với số nợ gốc 2.500.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản chi phí và chi phí phát sinh khác liên quan nêu có. Hợp đồng thế chấp chỉ hết hiệu lực trong các trường hợp Công ty HD đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của hợp đồng thế chấp, hay các bên thoả thuận đảm bảo nghĩa vụ bằng biện pháp khác hoặc tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Đình M chết, thì các quyền và nghĩa vụ của người để lại di sản sẽ do người thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ dân sự. Hiện nay nợ của hai hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 và số 6110-LAV-201400369 chưa trả hết thì nghĩa vụ về bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 cho hai hợp đồng tín dụng trên vẫn còn hiệu lực, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của bà N.

5- Các ông (bà) *Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H* cùng trình bày nội dung sau:

Ông Nguyễn Đình M (đã chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 để đảm bảo khoản vay của hợp đồng tín dụng 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 cho Công ty HD tại Ngân hàng, phạm vi bảo đảm là 2.500.000.000 đồng. Ngày 06-8-2014, Công ty HD tiếp tục vay tại ngân hàng theo hợp đồng 6110-LAV-201400369, ông M và bà T đồng ý tiếp tục thế chấp nhà đất tại số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng thế chấp đã ký ngày 17-9-2012 để đảm bảo khoản vay của Công ty HD. Trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp, các ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

6- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Trung Th* trình bày: Ông là họ hàng của bà Nguyễn Thị T, được bà T cho mượn một gian của căn nhà diện tích khoảng $(3 \times 3)m^2$ để làm nơi sửa chữa điện thoại. Ông chỉ ở tại đây trong thời gian mở cửa hàng từ 08 giờ đến 21 giờ. Nếu bà T có yêu cầu lấy lại gian nhà đã cho mượn ông sẽ trả lại ngay, không thắc mắc gì.

7- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Ánh T''* trình bày: Bà là họ hàng của bà Nguyễn Thị T, được bà T cho mượn một gian của căn nhà diện tích khoảng $(3 \times 8)m^2$ để mở shop bán quần áo. Bà chỉ ở tại đây trong thời gian mở cửa hàng từ 08 giờ đến 21 giờ. Nếu bà T có yêu cầu lấy lại gian nhà đã cho mượn bà sẽ trả lại ngay, không thắc mắc gì.

II) Quyết định của bản án sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH HD thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q số nợ của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 tính đến ngày 25-9-2017 tổng số tiền 3.287.833.336 đồng, gồm nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 538.000.000 đồng, lãi quá hạn là 249.833.332 đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 26-9-2017, Công ty TNHH MTV Q được quyền tính lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 cho đến khi Công ty TNHH HD trả xong nợ.

Sau khi Công ty TNHH HD trả hết nợ, Công ty TNHH MTV Q và Ngân hàng N - chi nhánh BT có trách nhiệm giải chấp, trả lại cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế khác của ông M gồm: Các ông (bà) Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình T', Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H bản chính giấy tờ tài sản thế chấp được liệt kê tại mục 1.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012.

Trường hợp Công ty TNHH HD không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006 cho ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T đứng tên sở hữu để thu hồi nợ. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tu, ông Nguyễn Đình T', ông Nguyễn Đình D, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung Th và bà Phạm Thị Ánh T'' có trách nhiệm bàn giao căn nhà nói trên để thi hành án.

Trường hợp phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho các hợp đồng mà còn dư thì bà T và các đồng thừa kế khác của ông M gồm: bà Minh, bà N, bà Tu, ông T', ông D, bà H được nhận số tiền dư này theo quy định của pháp luật thừa kế.

2. Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N về yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng thế chấp số 6110-LCL-201200423, chứng thực tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Lâm Đồng ngày 17-9-2012, số công chứng 2239, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD.

Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

III) Kháng cáo

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Không công nhận Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 do Phòng công chứng số 02 tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 17-9-2012 để bảo đảm cho khoản tiền vay của Hợp đồng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014.

- Yêu cầu Công ty TNHH MTV Q trả lại $\frac{1}{2}$ tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD201906 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc cấp ngày 06-3-2006 đứng tên ông Nguyễn Đình M – bà Nguyễn Thị T cho những người được thừa kế để chúng tôi khai nhận di sản thừa kế theo qui định của pháp luật.

IV) Tại phiên tòa phúc thẩm:

1 – Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N trình bày:

Không đồng ý việc Ngân hàng N - chi nhánh BT giữ lại Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 do Phòng công chứng số 02 tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 17-9-2012 để bảo đảm cho khoản tiền vay của Hợp đồng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 ký giữa ngân hàng và Công ty HD, vì:

- Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 chỉ đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 07-8-2013. Khi Ngân hàng và Công ty HD ký Hợp đồng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 thì nghĩa vụ bảo đảm của hợp đồng thế chấp đã chấm dứt;

- Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 thì Ngân hàng cũng đã giải chấp cho Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200370 ngày 07-8-2012 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200453 ngày 10-10-2012 nhưng giữ lại hồ sơ tài sản thế chấp của ông M và bà T và sử dụng Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 mà không ký lại hợp đồng thế chấp mới là không đúng qui định của pháp luật.

Ông M và bà T ký Văn bản cam kết ngày 05-8-2013 là do Ngân hàng đã đánh máy sẵn theo ý chí và chỉ dẫn của ngân hàng, văn bản này được xem là thỏa thuận bổ sung cho việc ký phụ lục vào ngày 07-8-2013, không có giá trị bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014.

Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét:

- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N

- Không công nhận Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 do Phòng công chứng số 2 tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 17-9-2012 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014. Ông Nguyễn Đình M chết ngày 20-8-2014 nên phần tài sản của ông M được trả cho những người được hưởng thừa kế.

2- Nguyên đơn trình bày:

Sau khi ký Hợp đồng mua, bán nợ ngày 27-7-2015 với Ngân hàng N, đến hạn trả mà Công ty HĐ không thực hiện nghĩa vụ nên VAMC mới khởi kiện đòi nợ vốn vay và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014.

Số dư nợ vốn vay và lãi phát sinh của hợp đồng theo bảng chiết tính của ngân hàng đã được Công ty HĐ xác nhận nên bản án sơ thẩm buộc nghĩa vụ trả nợ của Công ty HĐ là có căn cứ.

Trường hợp Công ty HĐ không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông M và bà T.

3- Ngân hàng N trình bày:

Ngày 07-8-2012, Ngân hàng N và Công ty TNHH HĐ ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 với hạn mức tín dụng là 4.700.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng.

Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sở hữu tài sản của ông Hoàng Anh S và bà Nguyễn Thị Thu Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ 460090, số vào sổ cấp GCN: CH00514 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 27-12-2010. Phạm vi đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc 900.000.000 đồng và các khoản lãi, chi phí phát sinh.

- Quyền sở hữu tài sản của bà Vũ Thị O theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 224153, số vào sổ cấp GCN: CH03095 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 19-9-2011. Phạm vi đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc 550.000.000 đồng và các khoản lãi, chi phí phát sinh.

- Quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006.

Ngày 5-8-2013, ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T đã ký Cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 07-8-2013, Công ty HĐ được ngân hàng ký phụ lục gia hạn hợp đồng số 6100-LAV-201200461, các nội dung sửa đổi trong Điều 2 và Điều 8 của hợp đồng tín dụng như sau:

- + *Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng kéo dài 12 tháng, kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này*

- + *Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200370 ngày 07-08-2012*

+ *Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012*

+ *Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200453 ngày 10-10-2012*

Khi thời hạn Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 hết, Công ty vẫn có yêu cầu tiếp tục vay vốn kinh doanh nên hai bên thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014, hạn mức vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Toàn bộ dư nợ của hợp đồng cũ là 2.000.000.000 đồng được chuyển sang hợp đồng mới để theo dõi. Ngày 23-9-2014 ngân hàng giải ngân thêm 500.000.000 đồng. Như vậy, tổng nợ vốn vay của hợp đồng là 2.500.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 vẫn tiếp tục được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012, là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02178/QSĐĐ/294 QĐ.UB do UBND thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006.

Ngày 27-7-2015, Ngân hàng đã bán nợ của Công ty HĐ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 8575/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK.

Ông Nguyễn Đình M chết, các quyền và nghĩa vụ của người để lại di sản sẽ do người thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N.

V) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

1) Về tố tụng:

- Về thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ; cấp và tổng đạt bản án trong giai đoạn phúc thẩm đã tuân theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử tuân theo những qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2) Về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012 không ghi rõ chỉ đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 mà qui định là để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay 2.500.000.000 đồng của Công ty HD theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng và không qui định thời hạn chấm dứt hợp đồng. Như vậy, khi ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 thì hạn mức tín dụng không vượt quá giá trị đảm bảo nên thỏa mãn điều kiện về phạm vi bảo đảm của hợp đồng thế chấp nên hợp đồng có giá trị đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn còn xuất trình bản cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản ngày 05-8-2013 với nội dung: Ông M và bà T đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản cho khoản vay 2.500.000.000 đồng của Công ty HD.

Tại bản khai ngày 13-7-2017, đại diện được ủy quyền của các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H xác định ông M và bà T biết việc ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 và đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản.

Theo qui định tại Điều 8a Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 qui định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì khi nghĩa vụ phát sinh trong tương lai được hình thành, các bên không phải đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N là có cơ sở.

Tuy nhiên, đối với nhận nợ theo Giấy nhận nợ được lập ngày 23-9-2014 là sau ngày ông Nguyễn Đình M chết nên không phát sinh phạm vi bảo lãnh của ông M nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà N.

Về yêu cầu đòi lại hồ sơ tài sản thế chấp của bà N: Do Công ty HD chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 nên yêu cầu này của bà N không có căn cứ được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N nộp cho Tòa án trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]- Về thủ tục triệu tập:

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai; bà Nguyễn Thị Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt; đại diện Công ty TNHH HĐ, các ông (bà) Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình T', Nguyễn Đình D, Nguyễn Trung Th, Phạm Thị Ánh Tuyết vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] - Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N:

[3.1] - Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH HĐ thanh toán nợ vốn vay và lãi phát sinh chưa trả của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 theo các lần giải ngân như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 21-3-2014, giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 21-9-2014.

- Giấy nhận nợ ngày 15-4-2014, giải ngân 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 15-10-2014.

- Giấy nhận nợ ngày 29-4-2014, giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 29-10-2014.

- Giấy nhận nợ ngày 23-9-2014, giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 23-3-2015.

Theo trình bày của nguyên đơn thì số tiền 2.000.000.000 đồng được giải ngân vào các ngày 21-3-2014; 15-4-2014; 29-4-2014 cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 17-8-2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 07-8-2013. Ngày 06-8-2014, Ngân hàng N-chi nhánh BT ký với Công ty TNHH HĐ Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 và chuyển số dư nợ vốn vay 2.000.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và phụ lục hợp đồng ngày 07-8-2013 sang theo dõi trong hợp đồng này và cơ cấu lại thời hạn trả nợ thêm 06 tháng, đồng thời cho vay thêm 500.000.000 đồng.

Quá trình thụ lý sơ thẩm, đại diện hợp pháp của Công ty TNHH HĐ đều xác nhận yêu cầu đòi vốn vay và lãi phát sinh chưa thanh toán của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH HĐ có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] - Xem xét tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty HĐ thì thấy: Khi ký Hợp đồng tín dụng 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 thì có 03 tài sản thế chấp của các chủ sở hữu khác nhau trong đó có tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất: 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do UBND thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006. Các bên đã lập Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012. Phạm vi bảo đảm bao gồm nợ gốc 2.500.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

Trình bày của đại diện được ủy quyền của bà N xác định rằng khi Công ty HD đề nghị được gia hạn hợp đồng thì do ngân hàng yêu cầu nên ngày 5-8-2015 ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T đã ký cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản để Công ty HD được ngân hàng ký phụ lục gia hạn hợp đồng số 6100-LAV-201200461 ngày 07-8-2013 là có cơ sở, phù hợp thực tế khách quan vì bên vay và bên thế chấp buộc phải ký thêm cam kết này chỉ khi có yêu cầu của ngân hàng cho vay. Trong phụ lục hợp đồng số 6100-LAV-201200461/01/PLHD ngày 07-8-2013, các bên đã sửa đổi Điều 8 tại hợp đồng tín dụng qui định về tài sản bảo đảm tiền vay. Như vậy, có thể thấy trong giao dịch tín dụng này thì ngân hàng cho vay vẫn cần phải hỏi ý kiến của chủ tài sản thế chấp khi ký thỏa thuận mới liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong lĩnh vực hoạt động tín dụng không có qui định về dư nợ của hợp đồng tín dụng cũ được chuyển sang theo dõi trong hợp đồng tín dụng mới. Đây được xem như các bên đã tắt toán hợp đồng tín dụng cũ, hợp đồng tín dụng được ký mới và các bên phải thực hiện thủ tục thế chấp tài sản của bên thứ ba theo qui định của pháp luật và thỏa thuận của các bên.

Ngày 06-8-2014, Ngân hàng và Công ty HD ký Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369. Theo ngân hàng trình bày khi ký hợp đồng này thì các ông (bà) Nguyễn Thị Thu Y, Hoàng Anh S, Vũ Thị O không đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty HD nữa nên trong hợp đồng mới chỉ còn ghi tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T. Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ không có tài liệu chứng minh ông M và bà T đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty HD, Ngân hàng đã giữ lại hồ sơ tài sản thế chấp của ông M và bà T để đảm bảo nợ của hợp đồng ký ngày 06-8-2014 là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi phát mãi tài sản của ông M và bà T trong trường hợp khi đến hạn trả nợ mà Công ty HD không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ là ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của ông M và bà T nên yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N không công nhận Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 do Phòng công chứng số 2 tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 17-9-2012 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 là có căn cứ được chấp nhận.

Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị T xác định vẫn đồng ý sử dụng phần tài sản của mình bảo đảm cho khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 ký giữa Ngân hàng N và Công ty TNHH HD nên Tòa án ghi nhận.

Như vậy, trong trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp thì ½ giá trị tài sản được trả nợ vay của Công ty HĐ cho nguyên đơn; ½ giá trị tài sản còn lại trả cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Đình M.

[3.3]- Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn thì Công ty TNHH MTV Q chỉ đòi nợ Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 theo Hợp đồng mua án nợ với Ngân hàng N. Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty HĐ phải trả tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 và Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Ngân hàng N đã bán nợ và giao hồ sơ tài sản thế chấp cho VAMC nên cấp sơ thẩm buộc ngân hàng có trách nhiệm cùng VAMC giải chấp hồ sơ tài sản là không có căn cứ.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chấp nhận kháng cáo; Chấp nhận yêu cầu độc lập; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]- Về án phí:

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Công ty TNHH HĐ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Công ty TNHH MTV Q được nhận tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

1- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N,

2- Sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

2.1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH HĐ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201200461 ngày 07-8-2012 và tính đến ngày 25-9-2017 là 3.287.833.336 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 538.000.000 đồng;
- Lãi quá hạn là: 249.833.332 đồng.

Kể từ ngày 26-9-2017, Công ty TNHH MTV Q được quyền tính lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014 cho đến khi Công ty TNHH HĐ trả xong nợ.

Khi Công ty TNHH HĐ trả hết nợ, Công ty TNHH MTV Q có trách nhiệm giải chấp, trả lại cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế khác của ông M gồm các ông (bà): Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình T', Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H bản chính giấy tờ tài sản thế chấp được liệt kê tại mục 1.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423 ngày 17-9-2012.

Trường hợp Công ty TNHH HĐ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 643A đường J, phường J1, TP. J2, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02178/QSDĐ/294 QĐ.UB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06-3-2006 cho ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T đứng tên sở hữu. Các ông (bà) Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình T', Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Trung Th và Phạm Thị Ánh T'' có trách nhiệm bàn giao căn nhà nói trên để thực hiện thi hành án.

Giá trị tài sản thế chấp sau khi phát mãi xử lý như sau:

- ½ (một nửa) giá trị tài sản thế chấp sử dụng để trả nợ vay của Công ty HĐ cho nguyên đơn, nếu một nửa giá trị này không đủ trả nợ thì Công ty HĐ có nghĩa vụ phải trả nốt số nợ còn lại, nếu còn dư thì trả lại cho những người thừa kế của ông M.

- ½ (một nửa) giá trị tài sản thế chấp trả lại cho những người thừa kế của ông M, gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tu, Nguyễn Đình T', Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H.

2.2- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N về yêu cầu xem xét Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 6110-LCL-201200423, chứng thực tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Lâm Đồng ngày 17-9-2012, số công chứng 2239, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD không phải đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty HĐ theo Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201400369 ngày 06-8-2014.

3- Về án phí:

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Công ty TNHH HD phải chịu án phí là 97.756.667 đồng (chín mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Công ty TNHH MTV Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2014/0000360 ngày 04-11-2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/024129 ngày 24-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/08485 ngày 04-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Anh

